

# HIỂN TÔNG KÝ

Thiền sư Thần Hội soạn  
Thiền sư Thanh Từ dịch và giảng

Ghi chú: Tập Hiển Tông Ký này do thiền sư Thần Hội (?-760) đời nhà Đường, Trung Hoa, trước tác. Hoà Thượng Thích Thanh Từ giảng cho các thiền sinh khóa I, tại tu viện Chơn Không (Vũng Tàu, Việt Nam) vào đầu thập niên 1970.

## A. PHẦN CHÁNH VĂN

Vô niệm vi tông, vô ác vi bản. Chơn không vi thể, diệu hữu vi dụng. Phù chơn như vô niệm, phi tướng niệm nhi năng tri thật tướng. Vô sanh khởi sắc tâm nhi năng kiến. Vô niệm niệm giả tức niệm chân như. Vô sanh sanh giả, tức sanh thật tướng. Vô trụ nhi trụ, thường trụ Niết Bàn. Vô hành nhi hành, tức siêu bỉ ngạn. Như như bất động, động dụng vô cùng. Niệm niệm vô cầu, cầu bản vô niệm. Bồ đề vô đắc tịnh ngữ nhãn nhi liễu tam thân. Bát nhã vô tri, vận lục thông nhi hoàn tứ trí. Thị phi tức định vô định, tức huệ vô huệ, tức hành vô hành. Tánh đẳng hư không, thể đồng pháp giới. Lục độ tự tư viên mãn. Đạo phẩm ư thị vô khuy. Thị tri ngã pháp thể không, hữu vô song dẫn. Tâm bản vô tác, đạo thường vô niệm. Vô niệm vô tư, vô cầu vô đắc. Bất bỉ bất thử, bất khứ bất lai. Thể ngộ tam minh tâm thông tứ giải. Công thành thập lực, phú hữu thất trân. Nhập bất nhị môn, hoạch nhất thừa lý. Diệu trung chi diệu, tức diệu pháp thân. Thiên trung chi thiên, nãi Kim cang huệ. Trạng nhiên thường tịch, ứng dụng vô phương. Dụng nhi thường không, không nhi thường dụng. Dụng nhi bất hữu, tức thị Chân không. Không nhi bất vô, tiện thành diệu hữu. Diệu hữu tức Ma Ha Bát Nhã. Chân không tức thanh tịnh Niết Bàn. Bát nhã thị Niết Bàn chi nhân. Niết Bàn thị Bát nhã chi quả. Bát nhã vô kiến, năng kiến Niết Bàn. Niết Bàn vô sanh, năng sanh bát nhã. Niết Bàn Bát nhã danh dị thể đồng. Tùy nghĩa lập danh, cố vân pháp vô định tướng. Niết Bàn năng sanh Bát nhã tức danh chân thật pháp thân. Bát nhã năng kiến Niết Bàn cố hiệu Như lai tri kiến. Tri tức chi tâm không tịch. Kiến tức kiến tánh vô sanh. Tri kiến phân minh, bất nhất bất dị. Cố năng động tịnh, thường diệu lý sự giai như như, tức xử xử năng thông đạt, tức lý sự vô ngại. Lục căn bất nhiễm tức định huệ chi công. Lục thức bất sanh, tức như như chi lực. Tâm như cảnh tạ, cảnh diệt tâm không. Tâm cảnh song vong thể dụng bất dị. Chơn như tánh tịch, huệ giám vô cùng. Như thủy phân thiên nguyệt năng kiến văn giác tri. Kiến văn giác tri, nhi thường niệm tịnh. Không tức vô tướng, tịch tức vô sanh. Bất dị thiện ác sở câu. Bất bị tịnh loạn sở nhiếp. Bất yếm sanh tử, bất nhạo Niết Bàn. Vô bất năng vô, hữu bất năng hữu. Hành trụ tọa ngọa tâm bất động diêu. Nhất thiết thời trung hoạch vô sở đắc. Tam thế chư Phật giáo chỉ như tư. Tức Bồ tát từ bi đệ tương truyền thọ. Tự Thế Tôn diệt hậu, tây thiên hị thập bát tổ, cộng truyền vô trụ chi tâm, đồng thuyết như lai tri kiến. Chi ư Đại Ma Quạt thử vi sơ đệ đại tương thừa ư kim bất tuyệt. Sở truyền bí giáo, yếu tạ đặc nhơn. Như vương kế châu, chung bất vọng dữ. Phước đức trí huệ nhị chủng trang nghiêm. Hạnh giải tương ưng phương

năng kiến lập. Y vi pháp tín, pháp thị y tông. Duy chỉ y pháp tương truyền cánh vô biệt pháp. Nội truyền tâm ấn, ấn khế bổn tâm. Ngoại truyền ca sa, tương biểu tông chỉ. Phi y bất truyền u pháp, phi pháp bất thọ u y. Y thị pháp tín chi y. Pháp thị vô sanh chi pháp. Vô sanh tức vô hư vọng, nãi thị không tịch chi tâm. Tri không tịch nhi liễu pháp thân, liễu pháp thân nhi chơn giải thoát.

Ghi chú: Tác phẩm "Hiển Tông Ký" do Đại sư Thần Hội Hà Trạch trước tác, được tìm thấy trong Đại Tạng Hán quyển 51 trang 459.

## **B. PHẦN GIẢNG**

### **Thiền sư Thanh Từ giảng.**

Bài Hiển Tông ký này của Thiền sư Thần Hội, Ngài ở chùa Hà Trạch cũng gọi là Đại sư Hà Trạch.

Ngài là đệ tử của Lục tổ Huệ Năng, người miền bắc kinh đô Trung Hoa.

Ngài truyền bá đốn giáo cho nên sau này có một số đệ tử và vua quan tôn Ngài là tổ thứ bảy Thiền Tông. Lịch sử của ngài trong quyển Thiền sư Trung Hoa (đời thứ nhất sau Lục tổ) có ghi rõ. Ở đây không nhắc lại mà chỉ nói đại lược về thân thế và sự nghiệp của Ngài.

Ngài là người thông minh từ thuở bé, đã có đủ tu cách đảm đương được chánh pháp của Lục tổ. Nhưng rất tiếc chánh pháp của Ngài truyền xuống không được dài lâu, cho nên phải hệ của Ngài bị mất sớm.

Ở đây chúng ta muốn biết cương vị của phái thiền đốn ngộ này, chúng ta cứ đọc và nghiệm xét kỹ bài Hiển Tông ký này cũng có thể biết được căn bản phần nào.

Bài Hiển Tông ký quá ngắn, nhưng nếu chịu khó nghiên ngẫm thật châu đáo thì chúng ta cũng có thể thấy được phần nào cương lĩnh của thiền tông đốn giáo.

Chánh văn: Vô Niệm Vi Tông, Vô Tác Vi Bản.

"Vô niệm là tâm, Vô tác là gốc".

Với lời văn rất gọn, ngài nói: vô niệm là tâm. Tâm đây có nghĩa là chủ. Vô tác vi bản, bản đây có nghĩa là gốc. Đường lối của thiền đốn ngộ này là lấy vô niệm làm chủ. Người nào muốn đạt được ông chủ cứu cánh của mình là phải tu ngay nơi tâm vô niệm này.

Thường thì chúng ta nghe nói "Vô niệm" mà không biết vô niệm là thế nào? Ở đây ngài nói vô niệm là tâm. Tâm đây nghĩ, tính... là có niệm. Dù nghĩ tính điều lành, điều dữ, thiện, ác... hay nghĩ tính cái gì đi nữa vừa đây nghĩ có niệm. Không nghĩ tính, không đây niệm gọi là vô niệm. Vô niệm là chỗ chú trọng nhất của người tu thiền. Vì vậy nên bao nhiêu phương pháp dạy chúng ta là phải tập cái tâm lặng lẽ, trong sạch.

Chẳng những bên Thiền mà cả bên Tịnh cũng thường nói: "Niệm đến chỗ vô niệm". Nếu người nào niệm đến chỗ vô niệm thì tức nhiên "Thiền Tịnh" đã gặp nhau. Chỗ vô niệm này mình phải biết nó là Thể Chơn Tịnh. Phần sau ngài nói: "Vô niệm tức chân như". Khi đạt được tâm vô niệm thì đó là đạt được tâm chân

như, mà chân như là thể gốc của tất cả. Vì vậy nên nói nó là tâm, tâm tức là ông chủ của mình chứ không có chi khác.

Vô tác cũng như ở trong cái không, vô tướng, vô tác hay là Không, vô tướng, vô nguyện. Chữ "Tác" đây cũng là nguyện là tạo tác. Tức là đời trong 25 cõi, mình không có nóng lòng mong muốn gọi là vô tác, tức là Không, không tác nghiệp trong 25 cõi là tự tại giải thoát.

Vậy người tu muốn ngộ đạo, muốn giác ngộ viên mãn trước phải đạt được Chân Như. Mà chân như là vô niệm, kể đó sạch hết các nghiệp trong 25 cõi đó là vô tác.

Như vậy chúng ta đã thấy rõ ràng chỉ hai câu này là gồm bao nhiêu ý nghĩa trong kinh điển. Nếu chúng ta được vô niệm, thì chúng ta đạt được chân như. Nếu chúng ta vô tác, tức là chúng ta sạch nghiệp trong 25 cõi.

Người nào đạt được chân như, sạch nghiệp trong 25 cõi thì người đó là người giải thoát, tự tại không còn bị cái gì ràng buộc và cũng không ai kéo lôi nổi.

Chánh văn: Chân Không Vi Thể, Diệu Hữu Vi Dụng

"Chân không là thể, Diệu hữu là dụng".

Thường thường chân không với diệu hữu mà chúng ta hay nói, chính là "chân không" cũng là tên khác của chân như. Bởi chân như nó không có tất cả, tướng trạng, không có vọng tưởng cũng gọi là Chân Không. Chân Không chính là thể tánh chân thật của các pháp.

Diệu hữu tức là trong cái chân không đó không tất cả hình tướng, không tất cả vọng tưởng, nhưng nó không phải là không hẳn (không ngưng). Nó tùy duyên mà có vô vàn diệu dụng. Những diệu dụng đấy lên gọi là diệu hữu, nên diệu hữu là dụng, không thể không của chân không.

Bởi chân không là thể, diệu hữu là dụng nên chư Phật đạt được bản thể này rồi thì các ngài có bao nhiêu thần dụng. Nào là thuyết pháp độ sanh, nào là thần thông biến hóa.

Vậy thần thông biến hóa, thuyết pháp độ sanh đều là cái diệu dụng của chân không.

Đó là tác giả đã chỉ chỗ cùng tận cho chúng ta, chỉ mới hai câu mà ta đã thấy rõ đường lối tu hành của Ngài.

Chánh Văn: Phù Chân Như Vô Niệm, Phi Tướng Niệm Nhi Năng Tri Thật Tướng

"Chân như vô niệm" mà Ngài đã giải thích ở trên. Vô niệm tức là chân như, chân như tức là vô niệm.

"Chẳng phải tướng niệm mà hay biết được thật tướng".

Nghĩa là tới chỗ chân như đó không có tướng, không có niệm mà thấy được tột cùng cái tướng thật của các pháp. Không phải không tướng niệm là không ngưng, không ngưng, không biết gì hết.

Từ đó quý vị mới thấy mình tu, chỉ làm sao hết vọng, đừng lo hết vọng là không ngưng. Hết các vọng tưởng rồi thì tự nhiên ta nhận ra cái tướng chân thật của các pháp, nên nói chân như vô niệm là vậy. Nghĩa là không tướng niệm nhưng biết được thật tướng, không khỏi niệm mà nhận ra tướng chân thật.

Chánh Văn: Vô Sanh Khởi Sắc Tâm Nhi Năng Kiến

"Từ chỗ vô sanh mà khởi sắc tâm thành năng kiến"

Còn vô sanh là sắc, là tâm, là không phải sắc, không phải tâm mà nó hay thấy biết. Có người nhận lầm chân như lặng lẽ rồi tưởng đó là không biết gì hết. Sự thật chân như lặng lẽ nó có khả năng biết được thật tướng của các pháp. Người ta tưởng tới chỗ vô sanh không còn thấy không còn biết gì hết. Sự thực vô sanh đó mặc dù nó không phải là sắc, nó không là tâm mà nó hay biết được tất cả.

Như vậy, chân như hay biết được thật tướng, còn vô sanh hay thấy được các pháp.

Đó là giải thích cái dụng của chân như và cái dụng của vô sanh để chúng ta thấy rõ và đừng ngờ vực.

Khi nói rằng tu tới vô sanh vẫn thấy biết tất cả. Khi đạt được chân như thì cũng sẽ thấy biết được thật chân tướng của các pháp.

Chánh Văn: Vô Niệm Niệm Giả, Tức Niệm Chân Như, Vô Sanh Sanh Giả, Tức Sanh Thật Tướng.

Đây giải thích thêm, nếu vô niệm mà niệm tức là niệm chân như.

Nói vô niệm mà niệm thật là khó hiểu đây nói trong phạm vi tu thiền, như khi ngồi thiền tâm được lóng sạch, làm chủ được mình không còn vọng tưởng dấy khởi thì lúc đó là vô niệm hay niệm và niệm cái gì? Nếu nói niệm Phật sẽ lầm vì nghĩ rằng niệm Phật là nghĩ về Phật, niệm chúng sanh là nghĩ về chúng sanh. Nhưng còn nghĩ thì chưa đúng với chỗ này.

Ở đây nói niệm có nghĩa là một bề hướng về chân như. Không cho vọng niệm dấy lên mà mình vẫn có cái làm chủ. Mà có cái làm chủ là có niệm nên niệm đó là niệm chân như, cũng có chỗ nói là chánh niệm.

Khi không có niệm vọng tưởng mà vẫn có cái làm chủ bên trong là chánh niệm mà chánh niệm là niệm chân như.

Trong Đại thừa khởi tín có nói: Khi mình vô niệm (không có dấy khởi cái lăng xăng bên ngoài) thì lúc đó là niệm chân như. Niệm mà không niệm, niệm mà không có nghĩ, không có tính, chỉ một bề làm chủ đó là sống với cái Chân như.

Thí dụ như khi có nhiều khách tới nhà mình trong đó có người sang, người hèn. Khi có khách thì trong nhà ồn náo, nhưng khi khách sang hèn đi hết (trong nhà hết khách) tưởng như trong nhà không có ai, mà sự thực ông chủ vẫn sờ sờ còn đó. Có khách thì có sang hèn có ồn náo, còn ông chủ thì đâu có sang hèn, ồn náo.

Cũng vậy khi chúng ta còn niệm thì có niệm thiện, niệm ác. Một khi hết những niệm đó thì tưởng như là hết, nhưng ông chủ vẫn còn đó. Lúc đó là chánh niệm, cũng chính là niệm chơn như. Nên nói: vô niệm mà niệm đó là niệm chơn như.

Vô sanh mà sanh, là sanh thật tướng. Nói vô sanh là khi đạt đến vô sanh mà vẫn có cái sanh, cái sanh đó là thật tướng (không phải hết tron) là tướng chân thật.

Đạt đến chỗ vô sanh là bất sanh bất diệt, mà bất sanh bất diệt đó là lúc tướng chân thật hiện ra (sanh thật tướng).

Tóm lại mới nghe coi như ngược ngạo vì nói vô niệm mà niệm chân như, vô sanh mà sanh thật tướng.

Chánh Văn: Vô Trụ Nhi Trụ Thường Trụ Niết Bàn - Vô Hành Nhi Hành Tức Siêu Bỉ Ngạn

"Vô trụ mà thường trụ Niết Bàn".

Kinh Niết bàn nói rõ, Phật không cho mình trụ. Nếu còn trụ là còn kẹt trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tức là còn hình tướng còn chỗ nói. Nếu không tr. thì tâm không dính mắc lục trần, không dính mắc lục trần nên mới thường trụ Niết bàn bất sanh bất diệt.

"Không làm mà làm tức vượt qua bờ kia".

Vô hành mà hành tức là mình không có tạo nghiệp trong sanh tử. Không tạo nghiệp sanh tử là không trụ chứ không phải là không làm gì hết. Không tạo nghiệp mà mình vẫn tu, tu là không theo vọng tưởng hay làm cho bao nhiêu mê lầm tan vỡ.

Nói không hành nghĩa là không tạo nghiệp luân hồi trong 25 cõi mà vẫn làm tích cực các việc để giải thoát.

Nói cách khác không đi vào 25 cõi mà vượt lên bờ giải thoát, không lội ngược vào đường luân hồi mà đi xuôi con đường giác ngộ giải thoát tự tại.

Chánh Văn: Như Như Bất Động, Động Dụng Vô Cùng

Cái thể chân như nó là lặng lẽ, nó không dấy động. Lặng lẽ không dấy động mà cái động dụng nó lại vô cùng. Nó tùy duyên ứng hiện, thiên biến vạn hóa không biết đâu mà nghĩ bàn cho hết (bất khả tư nghì).

Đó là chỗ lặng lẽ tịch thư, nhưng có vô lượng công năng (động dụng vô cùng).

Chánh Văn: Niệm Niệm Vô Cầu, Cầu Bỏ Vô Niệm

Mỗi niệm, mỗi niệm đều không mong cầu, không mong cầu là không ngóng trông, không mong đợi cái kết quả về sau, đó là "niệm niệm vô cầu".

Đây chính là tinh thần của người tu "vô cầu vô đắc" tuy niệm niệm không mong cầu nhưng đạt đến là đạt vô niệm (cầu bỏ vô niệm).

Khi không còn những cái mong cầu như quả trong sanh tử hay cầu ngũ dục, cầu 6 trần, đó là không cầu. Không còn mong cầu là chỗ vô niệm. Cho nên nói không cầu mà cầu vô niệm là như vậy.

Chánh Văn: Bồ Đề Vô Đắc, Tịnh Ngũ Nhãn Nhi Liễu Tam Thân

Trong kinh Bát Nhã chỉ rõ "Bồ đề là cái không có sở đắc". Nhưng từ chỗ vô đắc này mà sanh ngũ nhãn và ba thân (pháp thân, báo thân và hóa thân). Tức là không có đắc mà đắc ngũ nhãn đắc ba thân.

Chánh Văn: Bát Nhã Vô Tri, Vận Lục Thông, Nhi Hoàng Tứ Trí

"Bát Nhã không biết mà vận lục thông thần tự tứ trí".

Khi sống được với Bát Nhã thì không có cái hiểu biết theo phàm tình là phân biệt tốt xấu, thiện ác, hay dở, khen chê v.v... Tất cả những cái đó lặng mất thì sẽ vận dụng được thần thông và rộng truyền bốn chân lý. Nói vô tri mà có tứ trí và sáu thông đâu phải là không biết.

Nói rộng hơn cho dễ hiểu là khi biết vụn vặt giả dối thì không biết cái sâu xa, chân thật.

Thí dụ như những người có cái khôn vặt ở thế gian như khôn lanh, xảo nguyệt, lường gạt, dối trá v.v... thì những người đó không bao giờ hiểu sâu xa về triết lý cao siêu. Bởi họ cứ lẫn lộn trong cái khôn vặt để lừa gạt người đời nên không phát huy được cái khôn chân thật của thánh hiền.

Tóm lại Bát nhã không có cái biết, chạy theo sáu trần giả tướng bên ngoài mà có cái biết tứ trí sáu thông nên gọi là "Không biết mà biết".

Chánh Văn: Thị Phi Tức Định Vô Định, Tức Huệ Vô Huệ, Tức Hành Vô Hành.

"Thế nên biết Tức Định mà không định, tức huệ mà không huệ, tức hành mà không hành".

Định là vô niệm, không niệm mà ta có niệm chân như. Dứt tất cả vọng tưởng điên đảo, chân như hiện tiền, nên gọi không định mà định.

Tức huệ vô huệ, Huệ là có tứ trí có lục thông. Người thường không có cái huệ này vì nó không phải cái hiểu biết của phàm tính.

Người thường tình thấy người được bát nhã như không biết gì hết, nhưng thực ra họ có trí huệ mà phàm tình không thể thấy. Cái trí huệ này là trí huệ chân thực, không phải do giả tướng hiện bày hay duyên theo sáu trần của phàm tính có.

"Tức hành mà vô hành" hành là làm, là đi mà không có làm, không có đi. Bởi vì khi đến Niết Bàn, đến bờ bên kia mà không có đi đâu cả.

Trên cái đi mà không có tác giả không có thọ giả. Trên cái huệ mà không có tác giả không có thọ giả. Trên cái định không có tác giả, không có thọ giả. (Tác giả là người tạo, thọ giả là người nhận).

Thật ra lúc này không co ngã chấp, pháp chấp. Ngã pháp đều không nên nói "định mà không định, huệ mà không huệ, hành mà không hành".

Chánh Văn: Tánh Đẳng Hư Không Thể Đòn Pháp Giới

"Tánh bình đẳng như hư không, thể cùng với pháp giới".

Khi định mà không định, huệ mà không huệ, hành mà không hành ngã pháp đều hết, thì ngay khi đó tánh bình đẳng như hư không, thể đồng cùng pháp giới, rỗng rang khắp hết.

Đây là ngài chỉ cái thể dụng của chân như.

Chánh Văn: Lục Độ Tụ Tư Viên Mãn

Lục độ tụ tư viên mãn là sáu độ từ đây được tròn đầy.

Chánh Văn: Đạo Phẩm Ư Thị Vô Khuy

Đạo phẩm khi này không thiếu sót. Tới chỗ này thì sáu độ tròn đầy. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo không thiếu.

Chánh Văn: Thị Ngã Pháp Thể Không, Hữu Vô Song Dẫn.

Ngã pháp thể nó là không, có không cả hai đều bật.

Chánh Văn: Tâm Bản Vô Tác, Đạo Thường Vô Niệm

"Tâm vốn không có tạo tác, chỗ chỉ đạo thường là vô niệm".

Đây là chỗ "bình thường tâm thị đạo" của tổ Nam Tuyền. Bình thường tâm thị đạo là vô niệm, vô niệm là đạo. Bình thường là lúc không nghĩ, không tính mà không nghĩ không tính là vô niệm, vô niệm là đạo màu sáng suốt.

Chánh Văn: Vô Niệm, Vô Tư, Vô Cầu, Vô Đắc, Bất Bi, Bất Thử, Bất Khứ, Bất Lai

Vô niệm là không niệm. Vô tư là không nhớ, không nghĩ. Vô cầu là không mong cầu. Vô đắc là không chứng đắc. Có nghĩa là không nhớ, không nghĩ, không cầu, không chứng đắc, không đây, không kia, không đi, không lại.

Chánh Văn: Thể Ngộ Tam Minh, Tâm Thông Bát Giải Công Thành Thập Lục, Phú Hữu Thất Trân.

"Thể thì ngộ được tam minh, tâm thì thông bát giải thoát. Công thì thành tựu mười lục và tứ vô sở úy của đức Phật, trí thì giàu có thất thánh tài hay thất giác chi".

Tuy không niệm, không nhớ, không nghĩ, không cầu, không được, không kia, không đây, không đi, không lại tưởng là không còn có gì. Nhưng chính lúc đó là không dính mắc tất cả thì ngộ được pháp tam minh, tâm ấy thông suốt được tám giải thoát, tâm ấy thành tựu mười lục cùng tứ vô sở úy và thất trân (thất thánh tài hay thất giác chi đã học trong kinh Niết bàn).

Chánh Văn: Nhập Bất Nhị Môn, Hoạch Nhất Thừa Lý

"Nhập cửa không hai được lý nhất thừa".

Bất nhị là chẳng hai, nếu vào được cửa chẳng hai thì được lý nhất thừa. Như vậy chỉ cần không niệm, không cầu, không đắc v.v... bỏ được mọi đối đãi dính mắc là vào được cửa không hai, mà vào cửa không hai là sống được lý nhất thừa.

Chánh Văn: Diệu Trung Chi Diệu Túc Diệu Pháp Thân

Diệu là màu nhiệm, màu nhiệm trong cái màu nhiệm tức là pháp thân.

Pháp thân là cái màu nhiệm trong cái màu nhiệm, không thể nghĩ bàn không thể nghiệm xét.

Chánh Văn: Thiên Trung Chi Huệ Nãi Kim Cang Huệ

Người Trung hoa hay dùng chữ "Thiên trung Thiên" (Trời trong Trời). Trời là vị được mọi người tôn quý, mà trời ở trong trời là vị trời trong cõi trời tức là vị được tôn quý trong cõi được tôn quý. Đó là cái tôn quý vô cùng vô tận cái tôn quý đó là trí huệ Kim Cang.

Chánh Văn: Trạng Nhiên Thường Tịch, ?ng Dụng Vô Phương

"Lặng lẽ thường yên tịnh, nhưng ứng dụng vô cùng".

Đây chính là chỗ không chỗ nơi là chỗ không cùng tận, tưởng như lặng lẽ mà ứng dụng không cùng tận.

Chúng ta tu đây coi như không kết quả gì hết vì cả ngày chỉ bỏ những vọng niệm điên đảo để cho tâm lặng lẽ, trái với lúc ngồi suy nghĩ cái này tính toán cái kia tưởng là hay là được. Còn khi tâm lặng lẽ tưởng như không còn gì hết. Nhưng đến chỗ tốt cùng lặng lẽ, sẽ có cái thần dụng không thể lường.

Khi Phật ngồi dưới cội Bồ Đề lặng lẽ đến khi thành công thì Ngài có đầy đủ thập lục, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng v.v... thần thông diệu dụng như Hằng sa.

Đừng lo, khi bỏ được cái lằng xằng sẽ không còn gì, nhưng chính khi đó sẽ có đầy đủ tất cả.

Chánh Văn:Dụng Nhi Thường Không, Không Nhi Thường Dụng, Dụng Nhi Bất Hữu, Tức Thị Chân Không.

"Tuy dụng mà vẫn thường không, tuy không mà vẫn thường dụng, dụng mà chẳng có tức là chân không".

Không là tịch, dụng là chiếu, tuy chiếu mà vẫn tịch, tuy tịch mà chiếu nó luôn đầy đủ hiện tiền, dụng mà không có cái năng dụng sở dụng đó tức là chân không.

Chánh Văn:Không Nhi Bất Vô, Tiệm Thành Diệu Hữu.

"Không mà chẳng không liền thành diệu hữu".

Tuy chân không là không, không mà có diệu hữu. Cái diệu hữu này có hai ý, diệu hữu ở trong và diệu hữu ở ngoài, hay diệu hữu của Thiền sư và diệu hữu của Bát nhã.

Cái diệu hữu của Bát nhã là khi nhận được thể tánh các pháp nó là không. Đạt thể tánh là không, bởi duyên sanh mà nó thành có. Vì nhân duyên hòa hợp nên nó không có thiệt tánh. Không có thiệt tánh nên nói là không cũng gọi Chân không.

Đạt được lý thể tánh Không của các pháp cũng gọi là đạt được lý chân không hay thật tướng của các pháp. Từ tánh không của các pháp, nhân duyên hội họp thành vô vàn giả tướng của các pháp, gọi là diệu hữu.

Đó là diệu hữu bên ngoài, còn Chân không của các Thiền sư là diệu hữu bên trong.

Chân không tức là vô niệm, vô niệm là chân như. Chân không vì trong đó không còn chứa những vọng tưởng điên đảo, những niệm sanh diệt cũng là chân như. Nghĩa là khi đạt được chân như rồi thì chân không đó trở về tánh giác mà tánh giác là diệu hữu.

Nói rộng hơn chân không là không có vọng tưởng, không vọng tưởng, nên về chơn. Vọng tưởng thuộc về thức, hết vọng tưởng, tức trở về chân như trí, là trở về với Phật tánh. Trở về với Phật tánh gọi là diệu hữu.

Vậy cái diệu hữu này chỉ cho Phật tánh hay tứ trí hay chân như trí.

Chánh Văn:Diệu Hữu Tức Ma Ha Bát Nhã, Chân Không Tức Thanh Tịnh Niết Bàn. Bát Nhã Thị Niết Bàn Chi Nhân. Niết Bàn Thị Bát Nhã Chi Quả. Bát Nhã Vô Kiến Năng Kiến Niết Bàn. Niết Bàn Vô Sanh, Năng Sanh Bát Nhã. Niết Bàn Bát Nhã Danh Dị Thể Đồng. Tùy Nghĩa Lập Danh Cổ Văn Pháp Vô Định Tướng. Niết Bàn Năng Sanh Bát Nhã Tức Danh Chơn Thật Pháp Nhân. Bát Nhã Năng Kiến. Niết Bàn Cổ Hiệu Như Lai Tri Kiến. Tri Tức Tri Tâm Không Tịch. Kiến Tức Kiến Tánh Vô Sanh. Tri Kiến Phân Minh Bất Nhất Bất Dị. Cổ Năng Động Tịch Thường Diệu Lý Sự Giai Như Như. Tức Xứ Xứ Năng Thông Đạt, Tức Lý Sự Vô Ngại.

"Diệu hữu tức là Bát nhã, Chân Không là Niết bàn thanh tịnh. Bát nhã là nhân Niết bàn. Niết bàn là quả của Bát nhã. Bát nhã không thấy mà hay thấy Niết bàn. Niết bàn không sanh mà hay sanh Bát nhã. Niết bàn và Bát nhã tên khác mà thể đồng, tùy nghĩa đặt tên là pháp vô định tướng. Niết bàn hay sanh Bát nhã là



chân thật pháp thân. Bát nhã hay thấy Niết bàn là Tri kiến Phật. Biết là biết cái tâm lặng lẽ, thấy tức thấy tánh vô sanh. Thấy biết rõ ràng chẳng phải một, chẳng phải khác, tuy có động tĩnh, nó thường diệu. Sự lý vẫn lặng lẽ như như, mọi chỗ đều thông suốt, là sự lý không chướng ngại nhau".

Nói diệu hữu tức là Bát nhã là Phật tánh, chân không là thanh tịnh Niết bàn. Kinh Niết bàn nói: "Nhân là Phật tánh, quả là Niết bàn". Khi lóng sạch hết tất cả vọng niệm thì lúc đó sống với Ma Ha Bát nhã gọi là Diệu hữu. Thành ra chơn không tức là thanh tịnh Niết bàn, còn diệu hữu tức là Ma Ha Bát Nhã là Phật tánh.

Bát nhã là nhân của Niết bàn. Niết bàn là quả của Bát nhã: Bát nhã không thấy mà hay thấy được Niết bàn. Niết bàn không sanh mà hay sanh Bát nhã. Niết bàn và Bát nhã có một sự liên hệ vô cùng sâu sắc. Niết bàn Bát nhã danh tuy khác mà thể đồng. Theo nghĩa mà đặt tên, nên nói pháp không có tướng cố định, nên nhân là Phật tánh quả là Niết bàn, hay nhân là Bát nhã quả là Niết bàn.

Niết bàn hay sanh Bát nhã là chân thật pháp thân. Bát nhã hay dựng lập Niết bàn là Như lai tri kiến (Tri kiến Phật) như vậy nói là tri kiến Phật hay Bát nhã v.v... cũng là không hai.

Tri là biết cái tâm không tịch, kiến là thấy tánh vô sanh. Vậy biết cái tâm không tịch, thấy tánh vô sanh là tri kiến Phật. Tri kiến rõ ràng chẳng phải một chẳng phải khác. Nên tuy động mà ở trong cái lặng lẽ, thường ở trong diệu lý (diệu lý mà vẫn như như), tuy có lý có sự mà vẫn như như. Chính mỗi mỗi đều thông suốt lý và sự nên không có chướng ngại nhau.

Tóm lại khi mình đạt được tri kiến Phật là biết được tâm lặng lẽ, thấy được tánh vô sanh. Có nghĩa là ở trong lặng lẽ mà vẫn thấy biết rõ ràng nên không thể nói là hai cũng không thể nói là một (bất nhất, bất nhị).

Tuy có động có tịch mà thường ở trong cái diệu, tuy có lý có sự mà thường được như như. Mỗi mỗi đều thông suốt không ngăn ngại nhau.

Chánh Văn:Lục Căn Bất Nhiễm Tức Định Huệ Chi Công. Lục Thức Bất Sanh Tức Như Như Chi Lực.

"Sáu căn không nhiễm là công phu của định huệ. Sáu thức chẳng sanh là sức của như như".

Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mắt thấy sắc không nhiễm sắc, tai nghe tiếng không nhiễm tiếng v.v... là công phu của Định và Huệ.

Sáu thức chẳng sanh là do sức như như (như như lực).

Do chúng ta có tu định, huệ nên sáu căn không nhiễm theo sáu trần, và sống được với sức yên lặng. Tâm thể yên lặng nên sáu thức không sanh, không dong ruổi theo sáu trần, nên hằng sống với bản thể như như.

Chánh Văn:Tâm Như Cảnh Tạ, Cảnh Diệt Tâm Không.

"Tâm mà như thì bất cảnh, cảnh mất thì tâm không".

Tâm như giống như lúc mặt biển khôn gió, không gió thì mặt biển không có sóng, phẳng lặng không dấy động. Nếu tâm không dấy động thì cảnh tự bật, cảnh bật thì tâm không.

Chính ở chỗ này ông Bàn Long Uẩn nói: "Tâm cảnh như như chỉ giả thị, hà lộ Bồ Đề đạo bất thành". Nếu tâm mình như thì cảnh cũng lặng, cảnh lặng tức

là cảnh như (tâm cảnh như như). Tâm cảnh như như chỉ thế ấy, lo gì đạo Bồ Đề không thành.

Thí dụ như bây giờ chúng ta ngồi đây, bên ngoài gió thổi lá cây vĩaĐn khua, xe vẫn chạy, người xung quanh vẫn nói chuyện. Nếu tâm chúng ta không như mà duyên theo cảnh thì gió thổi lá cây khua ta tưởng tượng như tiếng nhạc, nghe xe chạy mình phân biệt đó là xe gì? hiệu gì? nghe người ta nói chuyện phân biệt đó là đàn ông hay đà bà? bao nhiêu vọng tưởng theo đó mà dấy khởi. Như vậy tâm động thì cảnh theo đó mà động (động theo cảnh).

Còn nếu tâm mình yên thì lá cây khua, tiếng xe chạy, dù người nói v.v... mình không để ý gì hết, lúc đó tất cả vẫn dần trải trước mắt mà mình vẫn thấy như không.

Khi tâm mình, không dấy niệm, mình không để ý gì hết, cảnh vẫn đó mà đối với mình vẫn như không. Ngược lại nếu mình lao theo cảnh thì cảnh trở thành có với mình.

Thế nên nói rằng tâm như cảnh tịnh vì mình không để ý nên nó không dính gì với mình, không dính với mình, nên có cũng như không. Người ta chửi mình, nếu mình không phân biệt tiếng chửi để tính hơn thua, thì tiếng chửi đó cũng như không có, chứ không phải bên ngoài không có tiếng chửi.

Cảnh và tâm nó tương quan với nhau, hễ tâm mình chạy theo cảnh thì cảnh thành có, nếu tâm mình không chạy theo cảnh thì cảnh thành không với mình, chứ không phải không với tất cả.

Đây là hai lối tu đặc biệt, một lối chỉ làm chủ nơi tâm, tâm lặng lẽ thì bao nhiêu cảnh ở trước trở thành vô nghĩa, trở thành lặng lẽ. Đó là lối tu hướng vào tâm nên nói Tâm như cảnh tạ (mật).

Một lối khác nữa là nhìn thấy cảnh thấy người, mình biết là do duyên sanh tự tánh là không. Người cảnh đều không thì tâm còn đâu mà bám. Người cảnh không thiết thì hết phân biệt đẹp xấu, hết phân biệt thì tâm trở thành không (cảnh diệt tâm không).

Cả hai cách tu đều thông dụng tương quan nhau, nhưng áp dụng lối tu nhìn vào dễ hơn hoặc áp dụng cả hai càng tốt.

Chánh Văn: Tâm Cảnh Song Vong, Thể Dụng Bất Dị, Chơn Như Tánh Tịnh, Huệ Giám Vô Cùng.

"Tâm cảnh cả hia đều bật, thể dụng cả hai đều không khác, chơn như vắng lặng trí huệ không cùng".

Bất dị là chẳng khác, khi tâm và cảnh đều lặng lẽ, thì lúc đó trở về tánh tịnh của chân như (cái tánh trong sạch của chân như). Khi tâm cảnh đều quên thể dụng không còn khác biệt thì trí huệ soi sáng không cùng không tận

Chánh Văn: Như Thủy Phân Thiên Nguyệt, Năng Kiến Văn Giác Tri, Kiến Văn Giác Tri, Nhi Thường Niệm Tịch. Không Tức Vô Tướng, Tịch Tức Vô Sanh, Bất Bị Thiệt Ác Sở Câu, Bất Bị Tĩnh Loạn Sở Nhiếp.

"Như nước phân thành ngàn mặt trăng mà hay thấy nghe hiểu biết, thấy nghe hiểu biết mà thường vắng lặng. Không tức là không tướng, tịch tức là không sanh chẳng bị thiện ác trói cột, chẳng bị tịnh loạn nhiếp thuộc".

Ở trên trời chỉ có một mặt trăng mà ở thế gian, nhìn nơi hồ có mặt trăng trong hồ, nơi có mặt trăng trong ao, dưới sông có mặt trăng dưới sông, ngoài biển có mặt trăng ngoài biển, nhìn trong lu nước có mặt trăng trong lu nước v.v... Mặt trăng chỉ có một mà bóng mặt trăng thì không biết bao nhiêu.

Tâm thể không hai mà sanh ra nào thấy, nghe, hiểu, biết v.v... Như vậy thấy nghe hiểu biết chỉ là cái dụng của tâm thể.

Thấy nghe hiểu biết mà thường vắng lặng. Vì một khi trở về tâm thể rồi thì tuy cũng nghe, cũng hiểu, cũng biết mà thường vắng lặng không có chấp dính vào não động như phàm phu.

Không tức không tướng, tịch tánh không sanh, không tướng thì gọi là không, không sanh gọi là vắng lặng, chẳng bị cái lành dữ trói cột, chẳng bị tánh loạn nó nhiếp thuộc (nhiếp tức là bắt buộc).

Tóm lại nếu trở về được cái tâm cảnh vắng lặng thì thể dụng chẳng khác, trí tuệ soi sáng vô cùng vô tận, diệu dụng thấy nghe hiểu biết vô lượng vô biên. Nhưng tất cả đều vắng lặng vì nó rỗng không, không tướng không sanh nên không bị thiện ác trói cột, không bị tịnh lặng, loạn động là hạn cuộc.

Chánh Văn: Bất Yêm Sanh Tử, Bất Nhạo Niết Bàn.

"Chẳng chán sanh tử, chẳng ưa Niết bàn".

Tới chỗ này mới thiết tự do, tự tại không vướng bên này, cũng chẳng mắc kẹt bên kia, bên nào cũng thông thả tự tại cả.

Chánh Văn: Vô Bất Năng Vô, Hữu Bất Năng Hữu. Hành Trụ Tọa Ngọa Tâm Bất Động Diêu.

"Không chẳng hay không, có chẳng hay có, đi đứng nằm ngồi tâm chẳng lay động".

Được như vậy tuy không mà chẳng phải không, nói có cũng chẳng phải có, trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi đều không lay động.

Chánh Văn: Nhất Thiết Thời Trung Hoạch Vô Sở Đắc.

"Trong tất cả thời được vô đắc".

Trong tất cả thời quá khứ, hiện tại, vị lai hay nơi nào chốn nào cũng không có cái sở đắc (không có cái được).

Ta thấy ngài đã giải thích cho chúng ta thấy rõ được vô niệm là tâm, vô tác là bản, chân không là thể, diệu hữu là dụng. Tất cả những thứ đó, khi đạt đến chỗ viên mãn của nó thì diệu dụng như hằng sa.

Chánh Văn: Tam Thế Chư Phật, Giáo Chỉ Như Tư. Tứ Bồ Tát Từ Bi Đệ Tương Truyền Thọ. Tự Thế Tôn Diệt Hậu, Tây Thiên Nhị Thập Bát Tổ Cộng Truyền Vô Trụ Chi Tâm, Đồng Thuyết Như Lai Tri Kiến. Chi Ư Đạt Ma Quật Thử Vi Sơ Đệ Đại Tương Thừa Ư Kim Bất Tuyệt. Sở Truyền Bí Giáo Yếu Tạ Đắc Nhơn. Như Vương Kế Chân Chung Bất Vọng Dữ.

"Ba đời chư Phật, đều dạy như vậy. Bồ tát từ bi nối tiếp nhau mà truyền thọ. Từ Thế Tôn diệt độ, phương tây hai tám vị tổ đều truyền tâm vô sự này, đồng nói tri kiến Phật. Tổ Đạt Ma đến cõi này làm sơ tổ trao truyền đến giờ không dứt. Điều truyền bí giáo cốt tìm được người, như ngọc của vua trọn không trao cho người tầm thường".

Ý nghĩa kinh điển của ba đời chư Phật, đều chỉ có chừng ấy, đều có bao nhiêu đó, cốt yếu chỉ có bấy nhiêu (như đây).

Bồ tát từ bi tiếp nối nhau mà truyền thọ trao cho nhau (truyền thừa cho nhau).

Từ khi đức Thế Tôn nhập Niết bàn, bên phương Tây (Ấn Độ) có 28 vị tổ cùng truyền chung cái tâm vô sự (vô trụ) này, đồng chỉ cái tri kiến Phật

Từ khi Tổ Đạt Ma đến cõi này (Trung Hoa) làm sơ tổ truyền nhau tới giờ (đời của ngài) không dứt. Truyền cái giáo ngoại biệt truyền. Truyền cái bí giáo này điều cốt yếu là phải tìm được người xứng đáng. Như hòn ngọc trong búi tóc của ông vua, trọn không trao cho người không xứng đáng. Đây là dẫn trong kinh Pháp Hoa, khi nhà vua dẫn tướng sĩ đánh giặc thắng trận trở về. Vua ban thưởng cho quần thần cái này cái khác, nhưng còn hòn ngọc quý trong búi tóc nhà vua chỉ lựa người có công lớn nhất mới trao tặng.

Đây cũng vậy, pháp môn đốn ngộ này cá tổ trao quyền cho nhau mà không trao cho những kẻ căn cơ cạn mỏng.

Chánh Văn:Phước Đức Trí Huệ Nhị Chúng Trang Nghiêm.

"Phước đức trí huệ hai thứ trang nghiêm".

Trong kinh Niết bàn có hai thứ trang nghiêm là phước đức và trí huệ.

Chánh Văn:Hạnh Giải Tương Ứng Phương Năng Kiến Lập.

"Hạnh giải tương ứng mới hay kiến lập".

Hành cũng là hạnh tức là chỉ cho sự tu, giải chỉ cho chỗ ngộ. Ngộ và tu phải cân xứng nhau thì người đó mới có thể kiến lập được tâm của Tổ sư. Chứ hiểu mà không tu thì cái hiểu đó cũng chưa được. Tu mà không hiểu cũng chẳng ra gì. Hai cái đó phải tương xứng nhau thì mới có thể kiến lập và truyền thừa được tâm thể của tổ sư.

Chánh Văn:Y Vi Pháp Tín, Pháp Thị Y Tông. Duy Chỉ Y Pháp Tương Truyền Cánh Vô Biệt Pháp. Nội Truyền Tâm Ấn, Ấn Hợp Bốn Tâm. Ngoại Truyền Ca Sa, Tượng Biểu Tông Chi. Phi Y Bất Truyền Ư Pháp, Phi Pháp, Bất Thọ Ư Y. Y Thị Pháp Tín Chi Y, Pháp Thị Vô Sanh Chi Pháp. Vô Sanh Tức Vô Hư Vọng Nãi Thị Không Tịch Chi Tâm, Tri Không Tịch Nhi Liễu Pháp Thân, Liễu Pháp Thân Chi Nhân Giải Thoát.

"Y là niềm tin của pháp, pháp là chủ của y, y và pháp truyền nhau, không có pháp khác. Trong truyền tâm ấn, ấn hợp bốn tâm. Ngoài truyền ca sa, biểu trưng tông chi. Chẳng y chẳng truyền pháp, không pháp không được nhận y. Y là pháp tín, pháp là không sanh. Không sanh là không có hư vọng, không hư vọng là tâm vắng lặng. Thấy cái vắng lặng là thấy pháp thân. Thấy pháp thân là người giải thoát".

Y là niềm tin đối với Pháp, pháp là chủ của y. Người nào đạt được pháp, tổ mới truyền y, khi được truyền y để chỉ cho thấy người được truyền y là người được pháp. Vậy y chỉ là niềm tin, còn pháp mới là chủ yếu. Không được pháp dù có được y cũng không có nghĩa gì.

Y và pháp tổ tổ truyền nhau không có pháp nào riêng khác. Trong thì truyền tâm ấn để hợp với bốn tâm, người ngộ được pháp mới được ấn chứng gọi là

ấn tâm, truyền y để làm chứng cứ cho tông chỉ. Người được ấn chứng ở tâm mới được mặc ca sa của chư tổ truyền cho.

Chẳng phải y cũng chẳng truyền pháp, là người không được truyền y cũng ngầm chỉ chưa được truyền pháp, hay chưa truyền pháp cũng chưa nhận y được.

Y là tín vật, pháp là vô sanh. Vô sanh tức không có hư vọng là cái tâm không tịch (vắng lặng) của chính mình, nên cũng gọi là vô niệm.

Không tịch, vô sanh tất cả để chỉ cho đến được chỗ sạch tất cả ý tưởng hư vọng. Tất cả ý tưởng hư vọng sạch rồi thì bản thân không tịch, rỗng không, vắng lặng chính là vô niệm.

Tóm lại ở đây Ngài muốn nêu lại điều đã nói ban đầu "Biết không tịch là liễu pháp thân". Bởi mình biết được cái không tịch ấy là mình liễu ngộ pháp thân của chính mình, mà liễu ngộ được pháp thân là chân thật giải thoát.

Ngài đã chỉ cho chúng ta thấy tường tận về đường lối tu hành của tông Đôn giáo. Thực ra trong tông Đôn giáo kinh sách rất nhiều nhưng ở đây chỉ nói gọn trong một ít câu, nếu chúng ta xét kỹ, học kỹ thì có thể nói là quá rõ ràng và đầy đủ.

\* \* \*

"Vô niệm là tâm, vô tác là bổ, chân không là thể, diệu hữu là dụng".

Mấy lời này là gốc gác để mình hiểu rõ đường lối tu hành của chư tổ Thiên tông. Như vậy bài Hiến tông ký này là hiến bày Thiên tông.

Xưa ở Trung Hoa dùng hai chữ Tông và Giáo. Giáo là chỉ cho kinh, Tông là chỉ cho Thiên. Ở đây ngài chỉ ghi ít lời để bày tỏ chủ yếu của Thiên.

Người tu Thiên chỉ cần đọc bấy nhiêu đây cho thật chín chắn, nhận định thật sâu sắc cũng có thể nắm được yếu chỉ của phương pháp tu Thiên.

Tuy nhiên nếu không hiểu rõ cũng có khi tác dụng ngược lại. Nếu chúng ta nhận được ý chỉ thì sự tu hành của mình có cơ sở để tiến. Còn nếu đọc nhiều mà không nhận được ý chỉ, thì sự dụng công tu hành cũng khó tiến.

Ở đây tôi không thể giải hết danh từ mà chỉ đơn lược để mọi người hiểu ý chỉ mà tiến tu.

Ý chỉ của sự tu ở mấy câu đầu. "Vô niệm là tông, Vô tác là bổ, Chơn không là thể, Diệu hữu là dụng". Đây là bốn câu tương đối đầy đủ chính xác nhất của người tu. Hiểu được 4 câu này là nắm được chìa khóa của toàn bài một cách chắc chắn.

Mùa Xuân Quý Dậu (1993)  
Tỉnh Giác và nhóm bạn tu thiền  
Kính ghi

